TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:26a/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19/5/2023
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lại Hồng Duy.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thanh và ông Nguyễn Duy Chấn.
- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Đinh Thế Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà:*** Bà Lê Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:343/2022/TLST-HNGĐ ngày 30/12/2022, về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/4/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà H, sinh năm 1976, có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.
2. Bị đơn: Ông K, sinh năm 1974, có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời Bà H trình bày: Bà H và ông K kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông vào ngày 12/06/2000. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và không bị ép buộc.

Bà H và ông K có 03 con chung, cháu T - sinh ngày 13/4/2001; cháu D – sinh ngày 11/3/2003; cháu U – sinh ngày 27/08/2004. Hiện các cháu đã có cuộc sống riêng và tự lập.

Tài sản chung, có nhưng chỉ là đồ dung sinh hoạt trong gia đình. Tài sản riêng và công nợ không có.

Mẫu thuẫn dẫn đến bà H xin ly hôn: Ông K và bà H phát sinh mâu thuẫn trong gia đình, mâu thuẫn trong lối sống và sinh hoạt trong gia đình, hai vợ chồng có cách nghĩ, quan điểm sống trái ngược nhau, không có tiếng nói chung. Ngoài ra, ông K có tính ghen tuông, uống rượu về nhà kiếm chuyện gây sự và đánh đập bà

H. Dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xung đột trong gia đình, vợ chồng không còn thương yêu, không quý trọng nhau, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, chỉ biết bổn phận của riêng mình, bỏ mặc nhau. Mặc dù đã được gia đình hai bên, bạn bè khuyên bảo nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hòa giải được và không có tiếng nói chung. Ông K và bà H đã sống ly thân từ tháng 09/2022 cho đến nay.

Nay bà H xin được ly hôn với ông K. Con chung: cháu T - sinh ngày 13/4/2001; cháu D– sinh ngày 11/3/2003; cháu U – sinh ngày 27/08/2004; các cháu đã trên 18 tuổi, đã đi làm và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung có nhưng không yêu cầu giải quyết. Tài sản riêng và công nợ không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn ông K trình bày trong bản tự khai: Bà H và ông K kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông vào ngày 12/06/2000. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và không bị ép buộc.

Bà H và ông K có 03 con chung, cháu T - sinh ngày 13/4/2001; cháu D – sinh ngày 11/3/2003; cháu U – sinh ngày 27/08/2004. Các cháu đã trên 18 tuổi và có cuộc sống tự lập.

Tài sản chung có nhưng không yêu cầu giải quyết. Tài sản riêng và công nợ không có.

Mẫu thuẫn dẫn đến xin ly hôn: giữa ông K và bà H sống không hợp nhau, thường xuyên hay so đo và cãi nhau giữa hai vợ chồng. Ông K và bà H đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay.

Ông K đã viết đơn xin xét xử vắng mặt và nêu rõ quan điểm trong đơn xin xét xử vắng mặt: Ông K đồng ý ly hôn với chị H. Con chung đã trên 18 tuổi và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung có nhưng không yêu cầu giải quyết. Tài sản riêng và công nợ không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án xác định người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông K và bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng đã nêu rõ quan điểm của mình về việc xin ly hôn, như vậy đã bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn và giải quyết cho bàH được ly hôn với ông K (chấm dứt quan hệ hôn nhân). Về con chung: Cháu T; cháu D; cháu U đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết, tài sản riêng và công nợ không có nên không yêu cầu giải quyết. Buộc bà H chịu án phí 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án xin ly hôn giữa nguyên đơn bà H và ông K. Bị đơn ông K đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh

Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông K, nguyên đơn bà H được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà H, ông K trình bày trong bản tự khai và biên bản lấy lời khai về: Đăng ký kết hôn, hôn nhận tự nguyện, con chung, tài sản chung, tài sản riêng và công nợ là hoàn toàn giống nhau. Tình tiết này, các bên đều thừa nhận nên không cần chứng minh, phù hợp với khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự: "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".*

[4] Về hôn nhân: Bà H và ông K xây dựng gia đình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, tự do đi đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông vào ngày 12/06/2000 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do đó, hôn nhân giữa bà H và ông K là hợp pháp.

[5] Về mâu thuẫn dẫn đến ly hôn: BàH và ông K có mâu thuẫn trong gia đình, trong lối sống và sinh hoạt trong gia đình, hai vợ chồng có cách nghĩ, quan điểm sống trái ngược nhau, không có tiếng nói chung. Dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xung đột trong gia đình, vợ chồng không còn thương yêu, không quý trọng nhau, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, chỉ biết bổn phận của riêng mình, bỏ mặc nhau. Bà H và ông K đã sống ly thân từ tháng 09/2022 cho đến nay, hai người sống ở hai nơi khác nhau và không còn liên lạc với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn và bị đơn đều đồng ý ly hôn, thể hiện trong bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt.

Như vậy, mâu thuẫn giữa bà H và ông K đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn thương yêu, không quan tâm, hạnh phúc gia đình không có. Do đó, để giải phóng cho hôn nhân không còn mục đích, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn và cho bà H được ly hôn với ông K.

[6] Con chung: Ông K và bà H có 03 con chung; cháu T - sinh ngày 13/4/2001; cháu D – sinh ngày 11/3/2003; cháu U– sinh ngày 27/08/2004. Các cháu đã trên 18 tuổi và có cuộc sống tự lập, các đương sự không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Tài sản chung có nhưng không yêu cầu giải quyết. Tài sản riêng, công nợ không có, không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 94; Điều 144; Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà H đối với ông K.

2. Về hôn nhân: Cho bà H ly hôn với ông K (chấm dứt hôn nhân).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007055 ngày 29/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã Đức Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Hồng Duy